

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HS-ST.

Ngày: 21/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y Blur và bà Trịnh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2022/TLST - HS ngày 06/9/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo: **A D**, sinh ngày 06/02/2004 tại K; nơi ĐKKHKT: Thôn KonHơNgo KơTu, xã V, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 8/12, dân tộc: Rơ ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A R, sinh năm 1974 và bà Y Y, sinh năm 1980; Tiền sự: Không. Tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1956 (Đã chết);

Người đại diện theo pháp luật của bị hại ông Nguyễn Hữu L: Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1982 (Bà V cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện theo pháp luật của bị hại L);

Địa chỉ: 41 L, phường Q, thành phố K, tỉnh K (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị V M, sinh năm 1958; địa chỉ: 41 L, phường Q, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Bà Y Y, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn KT, xã V, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh A Da, sinh năm 2005. Người đại diện hợp pháp của A Da là chị Y Yn, sinh năm 1996 (Cùng có mặt). Cùng địa chỉ: Thôn KT, xã V, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 02/02/2022, bị cáo A D điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát (BKS) 82K3-7410 lưu thông trên đường Võ Nguyên Giáp, trong tình trạng đã uống khoảng 5 lon bia, theo hướng từ UBND xã Đồi ra vòng xuyên Đ vào trung tâm thành phố K. Khi đi qua khu vực ngã ba đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Thị Xuân Phái được khoảng 20m, ngay phía trước số nhà 179 Võ Nguyên Giáp, bị cáo đi tốc độ nhanh, không chú ý quan sát phía trước, khi bị cáo phát hiện xe mô tô BKS 82K2-4825 do ông Nguyễn Hữu L có giấy phép lái xe, điều khiển chở theo vợ là Nguyễn Thị V M đang lưu thông theo chiều ngược lại với hướng đi của bị cáo và đang rẽ phải, thì khoảng cách đã quá gần, không kịp xử lý nên phần đầu xe mô tô do A D điều khiển đã đâm vào giữa thân phía bên phải của xe mô tô do ông L điều khiển. Hậu quả ông L bị thương tích đưa đi cấp cứu, đến ngày 04/02/2022 thì tử vong; A D và bà M bị thương tích nhẹ; Hai xe mô tô bị hư hỏng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi, kết luận: Ông Nguyễn Hữu L chết do chấn thương sọ não.

Tại phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu đối với A D là 119mg/dl. Ông L không có nồng độ cồn trong máu.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:** Đường Võ Nguyên Giáp là đường hai chiều, lòng đường trải bê tông nhựa phẳng rộng 5,8m, không có dải phân cách, không bị che khuất tầm nhìn. Điểm đụng nằm trên phần đường lưu thông của bị cáo, cách mép phải theo hướng đi của bị cáo là 1,3m; cách tâm ngã ba Võ Nguyên Giáp - Bùi Xuân Phái là 20m.

Tại Cáo trạng số 84/CT-VKSTPKT ngày 05/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo A D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **A D** từ 18 đến 24 tháng tù; bị cáo phải chịu án phí theo quy định; không áp dụng hình phạt bổ sung. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe mô tô cho các chủ sở hữu là đúng quy định. Trách nhiệm dân sự, đại diện hợp pháp của người bị hại và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong với số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] Khoảng 18h00 ngày 02/02/2022, trên đường Võ Nguyên Giáp, phường Duy Tân, thành phố K, đoạn trước số nhà 179 đường Võ Nguyên Giáp, bị cáo A D không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô BKS: 82K3 - 7410 với tốc độ nhanh và trong tình trạng có sử dụng bia, nồng độ cồn trong máu 119dg/ml, không làm chủ tốc độ nên đã tông vào xe mô tô BKS 82K2-4825 do ông Nguyễn Hữu L có giấy phép lái xe, chở vợ là bà Nguyễn Thị V M đang lưu thông ngược chiều và đang rẽ trái. Hậu quả ông L tử vong, bà M và A D bị thương nhẹ, hai xe bị hư hỏng.

Hành vi trên của A D đã vi phạm khoản 8, 9 Điều 8, khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ sửa đổi bổ sung năm 2018; vi phạm khoản 5 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải, gây hậu quả chết người, đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho tính mạng và tài sản của người khác.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự;

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh cách ly bị cáo với xã hội một thời gian, đủ cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Xét, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân tốt; khi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 11 tháng 27 ngày nên được áp dụng Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của BLHS khi quyết định hình phạt đối với bị cáo; và áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật mà cải tạo tốt.

[4] *Về vật chứng:* Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe mô tô BKS 82K2-4825 cho bà M; và trả mô tô BKS 82K3-7410 cho bà Y Y là đúng quy định.

[5] *Trách nhiệm dân sự*: Đại diện hợp pháp của người bị hại và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong số tiền 40.000.000 đồng. Không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[6] Bà Y Y không biết A D lấy xe mô tô tham gia giao thông dẫn đến tai nạn, nên Cơ quan CSĐT không xử lý với bà Y Y là có căn cứ.

[7] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo **A D** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

3. Xử phạt bị cáo **A D**: **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo A D phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm

5. Bị cáo và người đại diện theo pháp luật của người bị hại có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2022). Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày được tổng đạt hợp lện Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Công an TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài